

VIẾT VỀ RIMBAUD (1854-1891)

(Kỷ niệm một trăm năm ngày nhà thơ qua đời 1891-1991)

ĐỖ ĐỨC HIỀU

1

Arthur Rimbaud được gọi là "người ăn cắp lửa", tức là Prométhée hay vị thần Sáng là "người có đế giày giớ", tức là người lướt thoáng qua và không mồi mết trong cuộc trình thơ ca và trong đời sống; là "ngôi sao băng" chói ngời trên bầu trời đêm rồi tắt. Và thơ của Rimbaud được gọi là "chùm pháo hoa rực rỡ", là "ngọn núi lửa" phun tia lửa, những thạch nham sáng chói, là "ôpêra kỳ ảo". Tóm lại, Rimbaud đã làm "cuộc cách mạng trong thơ", từ năm mười sáu tuổi đến năm hai mươi một tuổi.

"Cuộc cách mạng trong thơ" ấy là sự từ bỏ những truyền thống của thơ lãng mạn lúc bấy giờ, là sự thay thế ngôn từ thơ lãng mạn, hình ảnh thơ lãng mạn (tình cảm đạt miêu tả cái đẹp bên ngoài, sự ưa chuộng "cái ngoại lai", tác động của tính kịch v.v...) những ảo ảnh, là sự sáng tạo ngôn từ thơ và giọng điệu mới. Thơ Rimbaud đưa người đọc phiêu lưu đến những bến bờ mới, đến những xứ sở huyền ảo, những hang động kỳ lạ của tâm hồn con người, chợt hiện lên, chợt biến đi trong những âm thanh và điệu xô đầy, vấp ngã; chẳng hạn *thơ văn xuôi* của Rimbaud không phải là văn bản những lời văn êm ái, nhịp nhàng ca hát, mà nó khấp khểnh, gập khúc, chứa đầy âm thanh xô bồ, gồm những tiếng không ăn khớp, nó diễn đạt một "thế giới bên trong" đầy thuận, khổ đau, uất hận, đầy khát vọng không thể đạt tới.

2

Rimbaud, đúng như Xuân Diệu nhận định, "khinh rẻ khuôn mồm, bỏ lời quen". Ông ghét thói trì trệ, lạc hậu, thói lười biếng, bảo thủ trong thơ. Khi Rimbaud lớn lên, thơ lãng mạn Pháp đã trải qua hơn nửa thế kỷ huy hoàng. Song, không thể kéo dài mãi mãi nhịp điệu cũ, không thể trùng và điệp mãi những hình ảnh, màu sắc, âm thanh đã cũ. Năm 1870, khi còn đi học, Rimbaud đến thư viện đọc sách, gặp một thủ thư bảo thủ, nghiêm túc, mệt nhọc và uể oải đứng dậy tìm sách cho độc giả, nhất là cho Rimbaud, chỉ đọc những sách kỳ lạ; và Rimbaud đã viết bài thơ *Những kẻ ngồi ý* (*Les surs*); bài thơ là một tập hợp những âm thanh và những hình ảnh, những nhịp điệu thơ khác, miêu tả kẻ "ngồi ý", dính chặt vào cái ghế, bộ xương khằng khiu của gã quần lấy lông đen xì, sáng sáng, chiều chiều; đầu gã mọc meo, ngón tay sù sì, tất cả giống những cái mụn sùi bệnh hủi. Khi phải đứng dậy, gã mới thật thảm hại; gã ngồi

xuống, từ sáng đến tối, cái cò gã bùng bùng đầy "amidan" rung lên như sắp vỡ. B những hình tượng khiếp hãi, bằng những âm thanh như nứt nẻ, trống hoác, Rimbaud miêu tả "kẻ ngồi ỳ" với những hình thù nham nhở, một không gian ứ đọng, một thời gian không nhúc nhích, một cái đôn đĩnh ngu ngốc, hèn nhát, co rúm giữa đồng bùn. Năm Rimbaud mười sáu tuổi.

Như nhiều thanh niên và thiếu niên cùng thời, Rimbaud khao khát tự do, căm ghét gia đình nhà tù, trường học đọa đày con trẻ; ngôi nhà Rimbaud giống như "một tổ chim không lông chim/giá lạnh. Những chim non rét mướt, sợ hãi, thức hoài". Ông viết: "đau khổ và tôi nổi loạn". Rimbaud thiếu niên nhiều lần bỏ nhà ra đi, bị bắt trở về, lại đi. Những nhịp thơ kỳ lạ, hoang dại, nảy lên từ những bước chân phiêu bạt, giáng Năm 1871, nổi lên bài thơ *Con tàu say* làm bạn bè và nhiều người kinh ngạc. Con tàu lại cuộc đời mình, xưa nay vẫn âm thầm, buồn bã ngược xuôi, những dòng sông chán chờ bông hay lúa mì, bỗng nhiên được tự do và thoát khỏi cuộc đời tẻ nhạt. Nó lao biển cả ("*Ôi sống tàu ơi, hãy võ tung, ôi ta ơi hãy ra biển cả*"), nó vun vút lướt trên sóng lớn, say mê và điên dại trong cảnh bình minh đỏ rực, đêm biếc xanh, nó phiêu lưu những cảnh tượng cuồng nhiệt, bi hùng, khủng khiếp hay diệu kỳ. Nó "*vùng vẫy thơ/thơ biển cả đầy sao và sữa trắng*" (bởi vậy, con tàu là biểu tượng của nhà thơ, *tàu say* là hành trình của thơ ca). Nó say, nó nghe "thức tỉnh vàng xanh của những tinh ca hát": đó là những tương hợp hòa quyện đắm say giữa hương thơm, màu sắc thanh của vũ trụ, giữa vũ trụ và chiều sâu thẳm của tâm hồn con người, của vô biên, hòa nhập mẫu nhiệm giữa cái vật chất và cái tinh thần. Rimbaud ghi những cảm giác những cơn chóng mặt, những cơn cuồng dại. Rimbaud là nhà thơ của cảm giác, của động. *Con tàu say* miêu tả hành trình đầy chất men say của nhà thơ, của con người, cuộc sống. *Con tàu say* là sự nở tung của núi lửa những màu sắc, những lớp sóng lạnh, nhảy múa, quay cuồng, là giấc mơ "lượn bay trên đám mây đỏ rực, đến một tinh khác". Rimbaud quan niệm thơ là "sự rối loạn" của thanh âm, của những nhịp thơ nhà thơ là kẻ du hành đến những giấc mơ kỳ diệu.

3

Thế giới thơ Rimbaud là thế giới tinh thần, thế giới phi hiện thực, không phá giới của trái tim chứa chan tình cảm, hoặc thế giới hình dáng, hiện hiện như trong lãng mạn nửa đầu thế kỷ XIX. Bởi vì Rimbaud phát hiện "cái tôi" bên trong, cái tôi bí ẩn cái tôi sâu thẳm, vô cùng tận, không phải cái tôi bề ngoài, cái tôi xã hội cái tôi ứng với cuộc đời. "Tôi là một người khác" (*Je est un autre*) xuất hiện trong bức thư gửi Paul Demeny năm 1871 (và cả cho thầy giáo trẻ tuổi Izambaud). Câu nói này cùng năm 1871, trở thành biểu tượng của một bước ngoặt mới trong thơ Pháp, - có mầm mống từ Baudelaire, tiếp theo là Verlaine. Ba nhà thơ này là những nhà thơ tiền khu của nghĩa tượng trưng, - *tượng trưng* (hoặc *biểu tượng*) thay thế cho ẩn dụ, là một phức những hình tượng, những ký ức, những hồi tưởng, những fantasmes, những giấc mơ tiềm thức và cái vô thức, bao trùm quá khứ, hiện tại, tương lai; nó phong phú để cùng tận; nó gợi mở hơn là miêu tả hay thờ lộ. Verlaine gọi Rimbaud, cùng với Corbière và Mallarmé là các "nhà thơ bị nguyên rủa" (1).

A đen, E trắng, I đỏ, U xanh; những nguyên âm... có thể nói mỗi bài thơ của Rimbaud là một bí ẩn. Nhiều nhà nghiên cứu so sánh bài thơ *Nguyên âm* trên với bài thơ *Tổng hợp* (Correspondances) của Baudelaire. Đúng như vậy, *Nguyên âm* vừa là những tương ứng giữa các giác quan của thiên nhiên (tức chiều ngang) vừa là những tương ứng giữa con người và tinh thần của vũ trụ (tức chiều dọc). Các nhà thơ tượng trưng chủ yếu rời bỏ thơ lãng mạn, để đi vào thế giới tinh thần. Chủ nghĩa tượng trưng đi tìm cái ẩn hay cái tinh thần của thế giới: ở con người, nó đi tìm cái tối bí ẩn, cái trực giác, cái thức, cái đi truyền, cái truyền thống, cái huyền thoại, mà về sau này F. Carrel (nhà văn học, nhà triết học Pháp, giải Nobel) nói kỹ trong tác phẩm *Con người, cái ẩn số ấy* (Homme et l'inconnu, 1933). Con người, đến nay còn là một ẩn số, và mãi mãi sẽ là một ẩn số. *Nguyên âm*, và thơ Rimbaud nói chung, là thơ của những cảm giác. Ở đây, ông khơi màu sắc, âm thanh, ông tháo rời thiên nhiên, thế giới và phân tích những cảm giác, rồi tổng hợp thành một tượng trưng đầy bí ẩn. Ông viết: "Tôi phát minh màu sắc của nguyên âm: A đen, E trắng, I đỏ, O xanh lơ, U xanh lá cây. Tôi điều chỉnh hình thái sự vận động của các phụ âm và, với những nhịp điệu bản năng, tôi tự hào đã sáng tạo ra ngôn từ thơ, có thể xâm nhập tất cả các cảm giác". Các âm và các thanh ấy, các hình ảnh và nhịp điệu vận động ấy, tập hợp thành những ảo giác, ảo giác ngôn từ, biểu đạt ảo giác hình tượng. Cái này báo hiệu chủ nghĩa siêu thực đầu thế kỷ XX. Rimbaud còn nói về "luyện đan" của ngôn từ (*Một mùa ở địa ngục, Mê sáng* - 1873). *A đen, E trắng...* được nhiều nhà bình luận khen chê từ cực nọ đến cực kia. Có người cho đó là một bài thơ "quái dị", là "sự suy đồi của sự suy đồi"; có người thấy bài thơ mang tính nhục cảm ẩn giấu giếm, nó là cơ thể trần truồng của người đàn bà lúc giao hoan. Nhà phê bình văn học, năm 1968, phê phán cay độc bài thơ này, cho nó là một tập hợp hỗn loạn các từ tách rời, các từ ngữ đặc biệt, hoàn toàn sách vở v.v.

Đúng là Rimbaud đã "nổi loạn" chống lại cái sáo mòn, đã đốt cháy các nguyên lý thơ lãng mạn thời cuối và đã "phát minh" ngôn từ thơ để biểu đạt sâu hơn, "thơ" hơn thế giới bí ẩn của con người. Và cũng đúng là thơ Rimbaud khó hiểu; cái "tối tăm" của thơ Rimbaud khác với cái "kín mít" của thơ Mallarmé. Thơ Mallarmé bí hiểm ở ngay từ ngữ, cách sắp, mà mỗi chữ giống như một hòn đảo, không liên kết với nhau, người đọc phải đoán; thơ Rimbaud khó hiểu vì ý nghĩa chìm của nó.

4

Cái bí ẩn của thơ Rimbaud nằm chủ yếu ở tập *Bừng sáng* (hay *Thiên khai - minations*, 1874-1875). Hơn nửa thế kỷ sau, André Breton, chủ soái Thơ Siêu thực, cho rằng thơ Rimbaud là bản nhạc dạo đầu của chủ nghĩa Siêu thực. *Bừng sáng* gồm những bài thơ xuôi ngược (*Bình minh, Hoa, Thần bí, Thành phố* v.v...) diễn đạt những giấc mơ, ảo giác, bằng những câu, những nhịp điệu mơ hồ, nhẹ, đứt quãng, rối loạn. Từ lâu, Rimbaud đã "giả từ" lý trí, cái lôgic, để khai thác và chìm đắm vào những lớp cảm giác tiềm ẩn; ông mong ước đạt tới cái vô cùng, "cái không biết"; ông mong ước vượt qua cái hạn chế của thực tại, hòa nhập với cái vô biên. Thơ của ông không có kết thúc; mờ, mờ đến những "vùng chói lọi". Cái "tương hợp" ở Baudelaire được tuyệt đối hóa ở Rimbaud. "Tôi ôm bình minh mùa hạ", "tôi chinh phục một bông hoa xưng danh mình", "phát hiện một nữ thần trên ngọn cây ánh bạc"... và "những tia sáng lấp lánh phát ra

từ những mảng đá quý" hoặc : "Bông hoa *digitale* (hoa dương hoàng) mở tung cánh t
một tấm thảm bằng những sợi bạc, những con mắt, những mớ tóc. . .". Rimbaud v
"Nhà thơ là người thẩu thị", người có cái nhìn xuyên suốt không gian, thời gian, vũ
con người, "cái thiên cảm thơ ca hoàn hảo". Chủ nghĩa siêu thực sẽ tiếp tục
Rimbaud, đi tới cái thuần túy, cái tuyệt đối, bằng "cái viết tự động" của trực giác, g
mơ, mê sảng; với họ, "lý trí đã sụp đổ".

Đánh giá Rimbaud, có cực này ("một thiên tài bừng nở ở tuổi thiếu niên", "ngôi
băng" v.v. . .) và có cực khác (chính Rimbaud báo tôi cả thơ ông chỉ là "nước rá
Rimbaud, một hiện tượng văn học ít có, trở thành một huyền thoại, một truyền thu
trong lịch sử văn học. Thơ Rimbaud xuất hiện năm ông mười sáu tuổi; sau 1
(Rimbaud hai mươi một tuổi), ông im lặng hoàn toàn, cho đến khi chết, để đi vào
cuộc phiêu lưu khác, Java, Aden, Ethiopie. . . "Để giày gió" lướt trong thế giới thơ
những bước kỳ lạ, làm náo động thế giới ấy, rồi "Để giày gió" lướt qua những xứ sở xa
Rimbaud ốm, phải cưa chân và ông qua đời một ngày cuối năm 1891, bên người chị
quý, tại một bệnh viện ở Marseille.

5

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẻ khuôn mồm, bỏ lối quen.*

Xuân Diệu - *Tình trai*

Rimbaud quả là người "say thơ xa lạ"; thơ Rimbaud là thơ của cảm giác, của ảo g
của ăn ức, thơ hòa nhập vũ trụ với cái tinh thần. Thơ Mới Việt Nam những năm 30 và
thế kỷ này, đã hòa nhập với thơ Pháp, tạo bước ngoặt lớn có tầm lịch sử cho thơ V
Nam. Một số nhà thơ mới phảng phất "nhớ" Rimbaud, có khi có giọng điệu Rimba
trong tiềm thức.

Xuân Diệu tạo nên biết bao nhịp điệu, âm thanh mới, "xa lạ" với ngay Thơ mới ;
đoạn đầu. Như Baudelaire (*Tương hợp*), như Rimbaud (*Nguyên âm*), ông nghe "k
nhạc thơm" và "tự buông cho khúc nhạc hường", khúc nhạc "hiển hiện hoa và phảng p
hương". Vũ Hoàng Chương thì thấy "điệu kèn biếc", "khúc nhạc hồng". Như con tàu :
Vũ Hoàng Chương quay cuồng trên "sàn gỗ chập chờn như biển gió" và thấy "bốn tư
gương diên đảo bóng giai nhân". Như Rimbaud, nhà thơ hò reo khi con thuyền tự do
vùng trên sóng cả:

*Nhờ neo rồi, thuyền ơi ! xin mặc sóng,
Xô về động hay giạt tới phương đòai.*

...

*Bề vô tận, sá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh.*

Và Lưu Trọng Lư, nhà thơ của âm nhạc (thơ Lưu Trọng Lư là âm nhạc, chỉ là

c), sáng tạo những âm thanh kỳ lạ, nghen ngào, diễn đạt ước mơ "cuộc đời phiêu lãng", "cảnh phong trần của người du tử", như chính Arthur Rimbaud (xem *Ma bohème, Đi lang của tôi*). Bài thơ *Đi giữa đường thơm* của Huy Cận có âm điệu gần gũi với *Đi giữa đường thơm* của Rimbaud.

RIMBAUD:

*Những chiều hè xanh, tôi sẽ đi trên đường hẻm,
Chân giẫm lên cỏ thơm, lúa mạch khê châm kim.
Tôi mơ màng, cảm giác mát lạnh nơi chân. . .*

HUY CẬN:

*Đường trong làng, hoa dại với mùi rơm,
Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm,
. . . Ở giữa làng, mùi rơm, hoa dại. . .*

Verlaine gọi Rimbaud là "nhà thơ bị nguyền rủa", còn Vũ Hoàng Chương tự thấy mình:

*Lũ chúng ta lạc loài dấm, bầy đứ, đờ,
Bị quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh. . .
. . .
Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ,
Một đôi người u uất nổi chợ vờ. . .*

Đó là chưa nói đến cái "spleen", "rượu", "say", "nàng tiên nâu", "lão tóc rối" trong thơ Vũ Hoàng Chương gợi nhớ Baudelaire.

Có một sự hòa nhập, một tương hợp tự nhiên và say sưa giữa thơ Pháp và thơ Việt Nam, mà trước đây một số người gọi là "ảnh hưởng của thơ Pháp đến thơ Việt Nam" (đúng không chính xác lắm), hoặc "sự giao lưu hai văn học", hoặc "những giao thoa văn học". Thật sự, có sự hòa hợp diệu kỳ giữa những trái tim thơ của phương Đông và phương Tây.

Cuối năm 1991

CHÚ THÍCH

(1) *Tristan Corbière (1845-1875), nhà thơ Pháp tàn tật, thân thể ốm yếu, suốt cuộc đời ngắn ngủi của mình đau khổ vì sự bất lực sinh lý, song lại nồng nhiệt yêu cuộc sống. Thơ Corbière nhịp điệu gây khúc, ngắt quãng, nhiều gạch ngang, nhiều chấm trùng điệp diễn đạt nỗi đau ấy. Tác phẩm: Những mối tình màu vàng, 3. Stéphane Mallarmé (1842-1898), nhà thơ Pháp cùng với Moréas công bố nền ngôn của chủ nghĩa tượng trưng; với ông, thơ là sự sống của ngôn từ; thơ rất khó hiểu, được gọi là thơ "kín mít", - ở sự kết cấu ngữ pháp, nhiều gián đoạn.*